| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH ĐẮK LẮK | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: [illegible]/QĐ-UBND | *Đắk Lắk, ngày [illegible] tháng [illegible] năm 2016* |

# QUYẾT ĐỊNH
## Về việc phê duyệt lại giá bán tài sản gỗ Thủy tùng (Thông nước) nhóm IA do bán đấu giá không thành

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Giá 2012;

Căn cứ Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm;

Căn cứ Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/03/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 2672/QĐ-UBND ngày 05/10/2015 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt phương án xử lý gỗ Thông nước (nhóm IA) là tang vật tịch thu sung quỹ Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3116/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2015 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc thành lập Hội đồng đánh giá chất lượng, xác nhận giá khởi điểm để bán đấu giá gỗ Thông nước (nhóm IA) là tang vật tịch thu sung quỹ nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt giá khởi điểm để bán đấu giá gỗ Thông nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 487/TTr-STC ngày 15/11/2016,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt lại giá bán gỗ Thông nước nhóm IA do bán đấu giá không thành. Cụ thể như sau:

1. Tài sản bán đấu giá: Gỗ Thông nước (nhóm IA) là tang vật tịch thu sung quỹ nhà nước: 91,036 $m^3$.

2. Tổng giá khởi điểm: 11.688.425.000 đồng (Mười một tỷ, sáu trăm tám mươi tám triệu, bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng). Nay giảm 10% so với mức giá khởi điểm, tổng giá khởi điểm sau khi giảm là: 10.519.582.500 (Mười tỷ, năm trăm mười chín triệu, năm trăm tám mươi hai ngàn, năm trăm đồng). Cụ thể:

- Lô 1: 19.549 $m^3$ gỗ Thông nước (nhóm IA) và 4.158 kg gỗ Thông nước (nhóm IA) hiện đang bảo quản tại Hạt Kiểm lâm huyện EaH'leo. Giá khởi điểm: 3.938.462.500 đồng (Ba tỷ, chín trăm ba mươi tám triệu, bốn trăm sáu mươi hai ngàn, năm trăm đồng). Nay giảm 10% so với mức giá khởi điểm, giá khởi điểm sau khi giảm là: 3.544.616.250 đồng (Ba tỷ, năm trăm bốn mươi bốn triệu, sáu trăm mười sáu ngàn, hai trăm năm mươi đồng)

- Lô 2: 11,745 $m^3$ gỗ Thông nước (nhóm IA) và 4.880 kg gỗ Thông nước (nhóm IA) hiện đang bảo quản tại Hạt Kiểm lâm huyện Krông Búk. Giá khởi điểm: 3.205.185.000 đồng (Ba tỷ, hai trăm lẻ năm triệu, một trăm tám mươi lăm ngàn đồng). Nay giảm 10% so với mức giá khởi điểm, giá khởi điểm sau khi giảm là: 2.884.666.500 đồng (Hai tỷ, tám trăm tám mươi bốn triệu, sáu trăm sáu mươi sáu ngàn, năm trăm đồng).

- Lô 3: 31,694 $m^3$ gỗ Thông nước (nhóm IA) và 4.158 hiện đang bảo quản tại Sân nhà văn hóa huyện Krông Năng. Giá khởi điểm: 1.901.640.000 đồng (Một tỷ, chín trăm lẻ một triệu, sáu trăm bốn mươi ngàn đồng). Nay giảm 10% so với mức giá khởi điểm, giá khởi điểm sau khi giảm là: 1.711.476.000 đồng (Một tỷ, bảy trăm mười một triệu, bốn trăm bảy mươi sáu ngàn đồng).

- Lô 4: 16,848 $m^3$ gỗ Thông nước (nhóm IA) và 1.300 kg gỗ Thông nước (nhóm IA) hiện đang bảo quản tại Hạt Kiểm lâm huyện Krông Năng. Giá khởi điểm: 2.552.487.500 đồng (Hai tỷ, năm trăm năm mươi hai triệu, bốn trăm tám mươi bảy ngàn, năm trăm đồng). Nay giảm 10% so với mức giá khởi điểm, giá khởi điểm sau khi giảm là: 2.297.238.750 đồng (Hai tỷ, hai trăm chín mươi bảy triệu, hai trăm ba mươi tám ngàn, bảy trăm năm mươi đồng).

- Lô 5: Sản phẩm mộc bằng gỗ Thông nước (nhóm IA) gồm: 22 cái lộc bình chiều cao từ 20 cm đến 60 cm, 11 tượng gỗ nhỏ, 14 tượng gỗ lớn, 86 lộc bình gỗ dạng lọ hoa (Chiều cao từ 20cm- 40cm, đường kính từ 04cm đến 10cm) và 0,045 m3 gỗ xẻ hiện đang bảo quản tại Hạt Kiểm lâm huyện Krông Năng và Hạt Kiểm lâm thành phố Buôn Ma Thuột. Giá khởi điểm: 90.650.000 đồng (Chín mươi triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng). Nay giảm 10% so với mức giá khởi điểm, giá khởi điểm sau khi giảm là: 81.558.000 đồng (Tám mươi mốt triệu, năm trăm năm mươi tám ngàn đồng)

*(Chi tiết như phụ lục số 01, 02, 03, 04, 05 kèm theo).*

3. Phương thức bán tài sản: Bán đấu giá.

a) Tổ chức, cá nhân có giấy phép đăng ký kinh doanh về buôn bán, chế biến và sản xuất gỗ thì được đăng ký tham gia đấu giá.

b) Khi tổ chức bán đấu giá thành thì số lượng lâm sản này nhập, xuất thực hiện theo Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản.

**Điều 2.** Giao Chi cục Kiểm lâm tỉnh (Chủ tịch Hội đồng) tổ chức bán đấu giá theo quy định hiện hành số lượng gỗ Thông nước (nhóm IA) tại Điều 1

Quyết định này theo đúng phương án đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2672/QĐ-UBND ngày 05/10/2015; số tiền thu được từ việc bán tài sản nêu trên nộp vào ngân sách nhà nước sau khi trừ các chi phí hợp lý.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính; Chi cục Kiểm lâm tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện: Ea H'Leo, Krông Búk, Krông Năng và UBND thành phố Buôn Ma Thuột và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ban hành./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạoVP UBND tỉnh;
- Phòng: NNMT;
- Lưu: VT, KT (TVT- 24b);

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Ngọc Nghị**

## PHỤ LỤC 01:

## GIÁ KHỞI ĐIỂM PHÊ DUYỆT LẠI ĐỂ BÁN ĐẤU GIÁ GỖ THỦY TÙNG (LÔ 1) HIỆN ĐANG BẢO QUẢN TẠI HẠT KIỂM LÂM HUYỆN EA H'LEO

*(Kèm theo Quyết định số [illegible]/QĐ-UBND ngày [illegible]/2016 của UBND tỉnh)*

| STT | Tên lâm sản | Nhóm | ĐVT | Khối lượng | Mức giá khởi điểm (đồng) | Mức giá giảm 10% so với mức giá khởi điểm (đồng) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **I. Gỗ tròn** | | | | | | |
| 1 | Thủy Tùng | IA | $m^3$ | 15,420 | 3.006.900.000 | 2.706.210.000 |
| **II. Gỗ xẻ.** | | | | | | |
| 1 | Thủy Tùng | IA | $m^3$ | 4,129 | 567.737.500 | 510.963.750 |
| **II. Gỗ hình thù phức tạp.** | | | | | | |
| 1 | Thủy tùng | IA | Kg | 4.158 | 363.825.000 | 327.442.500 |
| **Tổng cộng** | | | | | **3.938.462.500** | **3.544.616.250** |

PHỤ LỤC 02:

**GIÁ KHỞI ĐIỂM PHÊ DUYỆT LẠI ĐỂ BÁN ĐẤU GIÁ GỖ THỦY TÙNG (LÔ 2) HIỆN ĐANG BẢO QUẢN TẠI HẠT KIỂM LÂM HUYỆN KRÔNG BÚK**

*(Kèm theo Quyết định số: 5 /QĐ-UBND ngày 5 / /2016 của UBND tỉnh)*

| STT | Tên lâm sản | Nhóm | ĐVT | Khối lượng | Mức giá khởi điểm (đồng) | Mức giá giảm 10% so với mức giá khởi điểm |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **I. Gỗ tròn** | | | | | | |
| 1 | Thủy Tùng | IA | $m^3$ | 8,773 | 2.149.385.000 | 1.934.446.500 |
| **II. Gỗ xẻ.** | | | | | | |
| 1 | Thủy Tùng | IA | $m^3$ | 2,972 | 445.800.000 | 401.220.000 |
| **II. Gỗ hình thù phức tạp** | | | | | | |
| 1 | Thủy tùng | IA | Kg | 4.880 | 610.000.000 | 549.000.000 |
| **Tổng cộng** | | | | | **3.205.185.000** | **2.884.666.500** |

## PHỤ LỤC 03:

## GIÁ KHỞI ĐIỂM PHÊ DUYỆT LẠI ĐỂ BÁN ĐẤU GIÁ GỖ THỦY TÙNG (LÔ 3) HIỆN ĐANG BẢO QUẢN TẠI SÂN NHÀ VĂN HÓA HUYỆN KRÔNG NĂNG

*(Kèm theo Quyết định số 3574/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND tỉnh)*

| STT | Tên lâm sản | Nhóm | ĐVT | Khối lượng | Mức giá khởi điểm (đồng) | Mức giá giảm 10% so với mức giá khởi điểm (đồng) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **I. Gỗ tròn** | | | | | | |
| 1 | Thủy Tùng | IA | $m^3$ | 31,694 | 1.901.640.000 | 1.711.476.000 |
| **Tổng cộng** | | | | | **1.901.640.000** | **1.711.476.000** |

PHỤ LỤC 04:

GIÁ KHỞI ĐIỂM PÊH DUYỆT LẠI ĐỂ BÁN ĐẤU GIÁ GỖ THỦY TÙNG (LÔ 4) HIỆN ĐANG BẢO QUẢN TẠI HẠT KIỂM LÂM HUYỆN KRÔNG NĂNG

*(Kèm theo Quyết định số [illegible]/QĐ-UBND ngày [illegible]/2016 của UBND tỉnh)*

| STT | Tên lâm sản | Nhóm | ĐVT | Khối lượng | Mức giá khởi điểm (đồng) | Mức giá giảm 10% so với mức giá khởi điểm (đồng) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **I. Gỗ tròn** | | | | | | |
| 1 | Thủy Tùng | IA | $m^3$ | 7,171 | 1.075.650.000 | 968.085.000 |
| **II. Gỗ xẻ.** | | | | | | |
| 1 | Thủy Tùng | IA | $m^3$ | 9,677 | 1.330.587.500 | 1.197.528.750 |
| **II. Gỗ hình thù phức tạp** | | | | | | |
| 1 | Thủy tùng | IA | Kg | 1.300 | 146.250.000 | 131.625.000 |
| **Tổng cộng** | | | | | **2.552.487.500** | **2.297.238.750** |

**PHỤ LỤC 05:**

**GIÁ KHỞI ĐIỂM PHÊ DUYỆT LẠI ĐỂ BÁN ĐẤU GIÁ (LÔ 5) LÀ SẢN PHẨM MỘC GỖ THỦY TÙNG HIỆN ĐANG BẢO QUẢN TẠI HẠT KIỂM LÂM HUYỆN KRÔNG NĂNG VÀ HẠT KIỂM LÂM THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT**

*(Kèm theo Quyết định số 3311/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh*

| STT | Tên lâm sản, sản phẩm mộc | Nhóm | ĐVT | Quy cách | Số lượng hoặc khối lượng | Mức giá khởi điểm (đồng) | Mức giá giảm 10% so với mức giá khởi điểm (đồng) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **Lục bình (tại hạt kiểm lâm huyện Krông Năng)** | | | | | | |
| 1 | Lục bình gỗ Thủy tùng | IA | Cái | Cao từ 20 - 30 cm | 4 | 1.200.000 | 1.080.000 |
| 2 | Lục bình gỗ Thủy tùng | IA | Cái | Cao từ 31 - 45 cm | 8 | 4.800.000 | 4.320.000 |
| 3 | Lục bình gỗ Thủy tùng | IA | Cái | Cao từ 46 - 60 cm | 10 | 10.000.000 | 9.000.000 |
| 4 | Tượng gỗ Thủy tùng nhỏ | IA | Cái | Tượng gỗ nhỏ để bàn | 11 | 5.500.000 | 4.950.000 |
| 5 | Tượng gỗ Thủy tùng lớn | IA | Cái | Chiều dài từ 40 - 60 cm | 14 | 28.000.000 | 25.200.000 |
| **II** | **Lục bình (dạng lọ hoa tại hạt Kiểm lâm Tp.BMT)** | | | | | | |
| 1 | Lục bình gỗ Thủy tùng | IA | Cái | Cao từ 20 - 40 cm<br>Đường kính từ 4 - 10 cm | 86 | 34.400.000 | 30.960.000 |
| 2 | Gỗ xẻ | IA | $m^3$ | Chiều rộng dưới 25 cm | 0,045 | 6.750.000 | 6.075.000 |
| **Tổng cộng** | | | | | | **90.650.000** | **81.585.000** |